

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
ĐƠN VỊ: KHOA THƯƠNG MẠI

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 2, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng		
Mã học phần:	71SCMN40373	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71SCMN40373		
Hình thức thi:	<b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b> phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1
  - + **Mã học phần**\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TNTL\_De 1\_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<b>CLO 1</b>	Phân biệt các loại, chức năng của các nhà kho; tính toán được số lượng đặt hàng nhằm tối ưu chi phí tồn kho thông qua áp dụng các loại mô hình tồn kho phổ biến; và phân loại các điều kiện Incoterms.	<b>TỰ LUẬN + TRẮC NGHIỆM</b>	40%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và 2 câu hỏi tự luận	4	PLO 2, 3
<b>CLO 2</b>	Hiểu và áp dụng các yếu tố ảnh hưởng đến dịch vụ khách hàng; các vấn đề cơ bản trong quản trị chuỗi cung ứng trong phân tích và giải quyết vấn đề doanh nghiệp	<b>TRẮC NGHIỆM</b>	30%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm	3	PLO 2, 3
<b>CLO 4</b>	Phân tích và đề xuất giải pháp cho các vấn đề cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng xung quanh các khía cạnh vận tải, sản xuất, tồn kho, và sự phối hợp trong chuỗi.	<b>TỰ LUẬN</b>	30%	Tất cả câu hỏi trắc nghiệm và câu 1 của phần tự luận	3	PLO 6,7

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đề án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

### III. Nội dung câu hỏi thi

#### **PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm, 10 câu hỏi)**

Hoạt động công khai minh bạch chính sách dịch vụ khách hàng thuộc giai đoạn giao dịch hàng hóa nào trong dịch vụ khách hàng?

#### **A. GIAI ĐOẠN TRƯỚC GIAO DỊCH HÀNG HÓA**

- B. Giai đoạn trong giao dịch hàng hóa
- C. Giai đoạn sau giao dịch hàng hóa
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Kho nào dùng để chứa nguyên liệu, vật tư nhập khẩu đã được thông quan nhưng chưa nộp thuế để sản xuất hàng hóa xuất khẩu?

#### **A. KHO BẢO THUẾ**

- B. Cross-docking
- C. Kho công cộng
- D. Kho ngoại quan

ANSWER: A

Bình Minh là công ty vừa có đội tàu đánh bắt hải sản vừa có văn phòng tại Đà Nẵng. Công ty cũng đang sở hữu đội xe tải 16 tấn để giao hàng cho các tỉnh miền Trung với đội ngũ 4 nhân viên, 8 tài xế để phụ trách hoạt động giao nhận. Như vậy, Bình Minh đang triển khai hình thức Logistics nào?

#### **A. LOGISTICS BÊN THỨ NHẤT**

- B. Logistics bên thứ hai
- C. Logistics bên thứ ba
- D. Logistics bên thứ tư

ANSWER: A

So sánh giữa RFID và mã vạch:

#### **A. TỐC ĐỘ ĐỌC THẺ CỦA CÔNG NGHỆ RFID NHANH HƠN CÔNG NGHỆ MÃ VẠCH**

- B. Cả hai công nghệ đều có thể quét được nhiều thẻ cùng một lúc
- C. Chi phí đầu tư của công nghệ mã vạch cao hơn công nghệ RFID.
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Đặc điểm nổi bật của vận tải đường biển là:

**A. VẬN CHUYỂN HÀNG CÓ KHỐI LƯỢNG VÀ THỂ TÍCH LỚN, RỦI RO TAI NẠN Ở MỨC ĐỘ TRUNG BÌNH, GIÁ THÀNH THẤP**

B. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp, giá thành cao nhất

C. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích lớn, rủi ro tai nạn ở mức độ rất thấp, giá thành cao nhất

D. Vận chuyển hàng có khối lượng và thể tích nhỏ, rủi ro tai nạn ở mức độ thấp nhất, giá thành thấp.

ANSWER: A

Đặc điểm của điều kiện FOB incoterm 2020

**A. CHỈ DÙNG CHO VẬN TẢI ĐƯỜNG THỦY**

B. Người bán có trách nhiệm thuê phương tiện vận chuyển

C. Địa điểm chuyển giao rủi ro tại nước nhập khẩu

D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Hàng dự trữ nào dùng để phục vụ cho quá trình sản xuất, và đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong điều kiện bình thường đã được dự báo trước?

**A. HÀNG DỰ TRỮ ĐỊNH KỲ**

B. Hàng dự trữ trong quá trình vận chuyển

C. Hàng dự trữ dự phòng

D. Hàng dự trữ đầu cơ

ANSWER: A

Đặc điểm của mua hàng chiến lược

**A. TẤT CẢ CÁC ĐÁP ÁN ĐỀU ĐÚNG**

B. Hợp tác với số ít nhà cung cấp chất lượng nhất

C. Mỗi quan hệ hợp tác lâu dài với nhà cung cấp

D. Quan tâm đến tổng chi phí sản xuất hàng hóa

ANSWER: A

Hiện tượng hiệu ứng roi chần bò (Bullwhip Effect) là gì

**A. HIỆN TƯỢNG SỐ LƯỢNG ĐẶT HÀNG BIẾN ĐỘNG MẠNH DỌC CHUỖI CUNG ỨNG**

B. Lượng order giảm dần khi ta càng đi ngược chuỗi cung ứng

C. Các mắt xích cân đối lượng tồn kho dự phòng

D. Tồn trữ nguyên vật liệu dẫn đến làm tăng chi phí

ANSWER: A

Các loại rào cản của sự hợp tác trong chuỗi cung ứng là:

**A. TẤT CẢ ĐÁP ÁN ĐỀU ĐÚNG**

B. Rào cản xử lý thông tin (Information Processing Obstacles)

C. Rào cản vận hành (Operational Obstacles)

D. Rào cản do giá (Price)

ANSWER: A

**PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm, 2 câu hỏi)**

**Câu hỏi 1: (5 điểm)**

Công ty DSN chuyên cung cấp thiết bị điện tử có nhu cầu hàng năm của là 120.000 sản phẩm. Chi phí đặt hàng 1 lần 15 USD/lần. Chi phí lưu kho là 1,5 USD/sản phẩm/năm. Công ty làm việc 1 năm 280 ngày

Hãy xác định:

- a. Công ty nên đặt hàng một lần bao nhiêu để đạt chi phí tối ưu (EOQ)?
- b. Với EOQ vừa tìm được, công ty đặt hàng mấy lần một năm?
- c. Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần?
- d. Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho?

**Câu hỏi 2: (1 điểm)**

Liệt kê đầy đủ các điều kiện incoterm 2020 mà người xuất khẩu (người bán) có nghĩa vụ thuê phương tiện vận tải

---

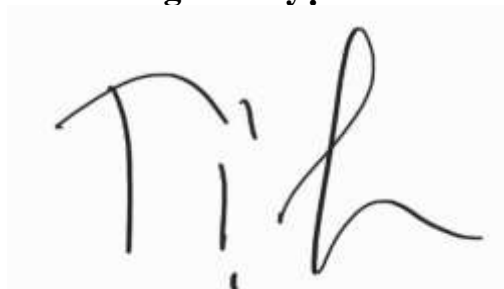
## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>4.0</b>	
Câu 1 – 10		0.4	
<b>II. Tự luận</b>		<b>6.0</b>	
Nội dung 1	<p><b>Tóm tắt đề bài:</b></p> <p>Nhu cầu hàng năm: <math>D = 120.000</math> sản phẩm (0,25đ)</p> <p>Chi phí đặt hàng: <math>S = 15</math> USD/lần (0,25đ)</p> <p>Chi phí lưu kho: <math>H = 1,5</math> USD/sản phẩm/năm (0,25đ)</p> <p>Ngày làm việc 1 năm: <math>N = 280</math> ngày (0,25đ)</p> <p>a. Công ty nên đặt hàng một lần bao nhiêu để đạt chi phí tối ưu (EOQ)?</p> $EOQ = \sqrt{2 \times S \times D / H} \quad (0,25đ)$ $= \sqrt{2 \times 120.000 \times 15 / 1,5} \quad (0,25đ)$ $= 1.549,19 \text{ sản phẩm} \quad (0,25đ)$ <p>b. Với EOQ vừa tìm được, công ty đặt hàng mấy lần một năm?</p> $\text{Số lần đặt hàng một năm} = D / EOQ \quad (0,25đ)$ $= 120.000 / 1.549,19 \quad (0,25đ)$ $= 77,45 \text{ lần} \quad (0,25đ)$ <p>c. Tính theo ngày làm việc, bao lâu đặt hàng 1 lần?</p> <p>Khoảng cách thời gian giữa 2 lần đặt hàng = Số ngày làm việc / số lần đặt hàng (0,25đ)</p> $= 280 / 77,45 \quad (0,25đ)$ $= 3,61 \text{ ngày} \quad (0,25đ)$ <p>d. Tính tổng chi phí bao gồm chi phí đặt hàng và chi phí lưu kho?</p> $\text{Chi phí đặt hàng} = D \times S / EOQ \quad (0,25đ)$ $= (120.000 \times 15) / 1.549,19 \quad (0,25đ)$ $= 1.161,89 \text{ USD} \quad (0,25đ)$ $\text{Chi phí lưu kho} = EOQ \times H / 2 \quad (0,25đ)$ $= (1.549,19 \times 1,5) / 2 \quad (0,25đ)$ $= 1.161,89 \text{ USD} \quad (0,25đ)$ <p>Tổng chi phí = <math>1.161,89 + 1.161,89 = 2.323,78</math> USD (0,25đ)</p>	5.0	
Nội dung 2	Sinh viên phải trả lời đầy đủ 7 điều kiện dưới đây, thiếu hoặc dư 1 điều kiện khác trừ 0,25 điểm. Trường hợp sinh	1.0	

	viên trả lời toàn bộ các điều kiện incoterm 2020 (11 điều kiện) thì chỉ được 0,25 điểm – CPT – CIP – CFR – CIF – DAP – DPU – DDP		
	<b>Điểm tổng</b>	<b>10.0</b>	


TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2024

**Người duyệt đề**



**Th.S Nguyễn Viết Tịnh**

**Giảng viên ra đề**



**Nguyễn Minh Đức**